

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **414/2021/HNGĐ-PT**

Ngày: 28-4-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn;

Bà Trần Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08/03/2021 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 71/2021/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1435/2021/QĐ-PT ngày 02/4/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1988;

Thường trú: Ấp 3, xã P, huyện L, tỉnh N.

Tạm trú: 360A Đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981.

Thường trú: 27 đường số R, khu phố E, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn – ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

bà H và ông Nguyễn Văn Q có thời gian tự tìm hiểu nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2014. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, quận V theo

giấy chứng nhận kết hôn số 218/2014 quyền số 02/2014 ngày 25 tháng 10 năm 2014.

Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên xảy ra tranh chấp, cãi vã. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung về quan điểm sống, sinh hoạt và nuôi dạy con cái, tình trạng này kéo dài từ năm 2017 đến nay. Hai bên cũng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Bà H và ông Q đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do thời gian mâu thuẫn và ly thân kéo dài nên cả hai không còn tình cảm. Bà H cảm thấy mục đích hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đức K (nam), sinh ngày: 06/5/2015. Bà đồng ý giao con chung cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q và bà H có thời gian tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của bà H.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H muốn cắt hộ khẩu từ nhà ông và về nhà mẹ ruột ở N sinh sống từ đó đến nay. Bà H hay lén át, lớn tiếng làm ông không thể nói gì. Mặt khác, khi mua bán đất ông yêu cầu bà H làm giấy ủy quyền thì bà H đòi sẽ ly hôn với ông. Từ thời gian đó đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Ngoài ra, ông còn có ý kiến nếu bà H trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng mà ông đã đưa cho bà H để ông nuôi con thì ông sẽ đồng ý ly hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H, ông không đồng ý.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đức K (nam), sinh ngày: 06/5/2015. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Khải. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 71/2021/HNGĐ-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 218/2014, quyền số 02/2014, ngày 25 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân Phường I, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là: Nguyễn Đức K (nam), sinh ngày: 06/5/2015. Giao trẻ K cho ông Nguyễn Văn Q được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Bà H và ông Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. Về nợ chung: Bà H và ông Q cùng khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/01/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Q còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung:

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Q hiện tại có mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông Q xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp giải quyết hàn gắn mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về con chung: Do ông Q và bà H thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Đức K , sinh ngày: 06/5/2015 cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Q cùng khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Q không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông Q làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 218/2014, quyển số 02/2014 của Ủy ban nhân dân Phường I, quận V cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H ngày 25/10/2014 đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa ông Q và bà H là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Q:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa ông Q và bà H thực tế là có xảy ra, mâu thuẫn vợ chồng dù đã biết xuất phát từ đâu nhưng cả ông Q và bà H đều không có biện pháp khắc phục, và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông Q xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Qua đó, cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nhận thấy bản án sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở.

[4] Về con chung: Trong trường hợp ly hôn bà H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Đức K, sinh ngày: 06/5/2015 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, sự tự nguyện của bà H đồng ý giao con chung cho ông Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và ông Q cũng đồng ý với yêu cầu này. Do đó, cấp phúc thẩm cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên giao con chung tên Nguyễn Đức K, sinh ngày: 06/5/2015 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Q cùng khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, nghị cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2021/HNGĐ-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 218/2014, quyền số 02/2014, ngày 25 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân Phường I, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đức K (nam), sinh ngày: 06/5/2015. Giao trẻ K cho ông Nguyễn Văn Q được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H và ông Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung: Bà H và ông Q cùng khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị H phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0061650 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn Q chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0063035 ngày 01/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận T, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương Phan Trịnh Minh Đức

Lưu Thị Thủy Tiên